

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội số
369/2003/QĐ-BLĐTBXH về việc
kéo dài thời gian bảo lưu mức phụ
cấp khu vực.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 07 tháng 12 năm 1993 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 25/CP, Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp và Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 18/01/2001 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc và miền núi hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1396/VPCP-VX ngày 26/3/2003 về việc kéo dài thời gian bảo lưu mức phụ cấp khu vực,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định kéo dài thời gian bảo lưu mức phụ cấp khu vực cho đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương, sửa đổi hệ thống thang, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương đối với các xã, phường, thị trấn và đơn vị có điều chỉnh giảm mức phụ cấp khu vực quy định tại

điểm 2 Mục B Phần III (Phụ lục số 2), Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT-BLĐTBXH-UBND ngày 18/01/2001 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc và Miền núi hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chế độ phụ cấp khu vực áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn và đơn vị quy định tại Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2003.

Cách tính trả phụ cấp khu vực theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 18/01/2001 nói trên.

Điều 3. Đề nghị Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn các đơn vị trên địa bàn thi hành Quyết định này /

KT. Bộ trưởng Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội
Thứ trưởng

LÊ DUY ĐỒNG

BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 26/2003/
TT-BTC ngày 01/4/2003 hướng dẫn
về thời điểm tính thuế đối với hàng
hóa xuất khẩu, nhập khẩu.**

Căn cứ Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Công văn số 6038/VPCP-KTTH ngày 28/10/2002 của Văn phòng Chính phủ về việc thời điểm tính thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;

Bộ Tài chính hướng dẫn về thời điểm tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

Thời điểm tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998 và hướng dẫn tại Mục II Phần C Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/08/1993, số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Quy định tại Điều 7 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan không áp dụng để xác định thời điểm tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan và đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 27/2003/TT-BTC ngày 01/4/2003 hướng dẫn cơ chế tài chính cho hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg ngày 30/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam,

Sau khi có ý kiến thống nhất của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý tài chính, sử dụng kinh phí cho hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các đề án phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam (gọi tắt là Liên hiệp Hội), các Hội Khoa học kỹ thuật chuyên ngành ở Trung ương và Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là các Hội thành viên) là hoạt động mang tính chất phi lợi nhuận.

2. Việc xác định kinh phí cho hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chương trình, dự án, đề án (gọi chung là đề án) về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp các chi phí phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này.

Các đề án do Liên hiệp Hội tư vấn, phản biện và giám định phải là các đề án mang tính đa